

Số: 1563 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND Thành phố quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Khuyến học quận Đống Đa tại Văn bản số 58/TTr-HKHĐĐ ngày 15/12/2020 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 649/TTr-SNV ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, đã được Đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025 của Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND quận Đống Đa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/cáo);
- PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Công an Thành phố;
- VP UBND TP: CVP, PCVP V.T.Anh, NC, TH, KG-VX;
- Lưu: VT, NC.

6874 - 11



Lê Hồng Sơn

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)

Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND

ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên tiếng Việt: Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
2. Tên tiếng Anh: Dong Da Association For Promoting Education.

Điều 2. Tôn chỉ, Mục đích

Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội, tập hợp các tổ chức và công dân Việt Nam sinh sống và hoạt động hợp pháp trên địa bàn quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, khuyến học, khuyến tài, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa của quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt trên địa bàn quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Email: hoikhuyenhocqdd@gmail.com

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong lĩnh vực khuyến học, khuyến tài trên phạm vi quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND quận Đống Đa, Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Không vì mục đích lợi nhuận.
4. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia nghiên cứu, tư vấn, giám sát và phản biện xã hội theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước; tư vấn về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội; phối hợp tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội khi có yêu cầu. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Liên kết, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
8. Được Ủy ban nhân dân quận Đống Đa hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Quận giao; được nhận các nguồn tài trợ, giúp đỡ hợp pháp của các tổ chức, công dân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức hoạt động của Hội. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài góp phần thực hiện công bằng xã hội và tạo cơ hội cho mọi công dân được học tập thường xuyên, học suốt đời, nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
3. Phổ biến kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.
4. Vận động các gia đình tích cực học tập, học tập suốt đời; phối hợp với các tổ chức và cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo; góp phần động viên, chăm lo về vật chất và tinh thần đối với các thầy

cô giáo; thực hiện phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, học kết hợp với hành, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trên địa bàn quận Đống Đa.

5. Khuyến khích người lao động có sáng kiến đóng góp hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước;

6. Thực hiện hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo, phần thưởng cho học sinh giỏi có thành tích cao trong học tập và tu dưỡng, đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và quy định của pháp luật.

7. Thực hiện hòa giải, tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, xử lý kỷ luật với UBND quận Đống Đa và các cơ quan liên quan.

8. Hàng năm, Hội thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tình hình tổ chức, kết quả hoạt động của Hội với UBND quận Đống Đa và các cơ quan có liên quan; đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định; đồng thời công khai trong Hội.

9. Thực hiện theo đúng quy định Nhà nước về lập, lưu giữ và quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội. Hội phải lập hồ sơ và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của Hội danh sách hội viên, chi hội và tổ chức thuộc Hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, các tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của ban lãnh đạo Hội.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên gồm: Hội viên chính thức và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức

a) Các tổ chức, công dân Việt Nam đang sinh sống và hoạt động hợp pháp trên địa bàn quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, tâm huyết với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên tổ chức bao gồm: Các Hội khuyến học hoạt động ở các phường, các trường học và các tổ chức liên quan đến khuyến học, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội chấp thuận là hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên danh dự: Tổ chức, công dân Việt Nam có uy tín trong xã hội, có đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự phát triển của Hội hoặc chưa có điều kiện trở thành hội viên chính thức của Hội; tán thành Điều lệ Hội và tham gia hoạt động Hội, được Ban Chấp hành công nhận là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động, hội nghị, hội thảo, lớp bồi dưỡng, hoạt động khoa học do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định, các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội thông qua tổ chức Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên danh dự được hưởng quyền lợi như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ và các quy định, quy chế của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thẻ thức vào, ra Hội; thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên

1. Tổ chức, công dân đủ điều kiện trở thành hội viên của Hội, gửi đơn xin gia nhập Hội tới Ban Chấp hành xem xét, kết nạp hội viên. Việc kết nạp hội viên do Ban Chấp hành Hội xem xét quyết định sau khi có sự đề nghị của Chi hội và được thực hiện tại Chi hội đó.
2. Tổ chức, công dân xét thấy không muốn tiếp tục là hội viên của Hội, có đơn xin ra khỏi Hội, gửi Ban Chấp hành Hội xem xét, xóa tên khỏi danh sách hội viên.
3. Tổ chức, công dân vi phạm pháp luật hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản, uy tín của Hội và các hội viên khác, Ban Chấp hành xét quyết định xóa tên khỏi danh sách hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn
6. Các tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu; Quy chế giải quyết tranh chấp, khiếu nại, khen thưởng, kỷ luật của Hội; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 2 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các tổ chức cơ sở thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của Điều lệ Hội; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức cơ sở thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quy định. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, đảm bảo đúng theo quy định của Trung ương và Thành phố.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố, UBND quận Đống Đa, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Phó Chủ tịch

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, đảm bảo đúng quy định của Trung ương và Thành phố.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng và các ban chuyên môn

1. Văn phòng và các ban chuyên môn là cơ quan giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Hội; chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội.

2. Văn phòng và các ban chuyên môn hoạt động theo quy chế làm việc do Ban Chấp hành ban hành và được sử dụng một số nhân viên hợp đồng.

Điều 20. Tổ chức cơ sở thuộc Hội

1. Tổ chức cơ sở thuộc Hội bao gồm liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội do Hội quyết định thành lập.

2. Tổ chức cơ sở do Hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu; hoạt động theo Điều lệ Hội, các quy chế, quy định của Hội và quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành có trách nhiệm ban hành quy chế, quy định tổ chức, hoạt động, quản lý các tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT;

ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội

- Hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật hoặc được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức cơ sở thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức cơ sở thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ (nếu có), khai trừ ra khỏi Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét, thi hành kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 2/3 tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội gồm 08 Chương và 27 Điều, có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội Khuyến học quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

